**TRƯỜNG THCS ĐÔNG TÂY HƯNG**

**BÀI 9 HÒA ĐIỆU VỚI TỰ NHIÊN**

**TIẾT 121,123:THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**NGHĨA CỦA MỘT SỐ YẾU TỐ HÁN VIỆT THÔNG DỤNG VÀ NGHĨA CỦA NHỮNG TỪ CÓ YẾU TỐ HÁN VIỆT ĐÓ**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt đó

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực đặc thù**

- HS hiểu được nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng

- HS nắm được cách xác định nhanh nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt thông dụng đó.

**3. Phẩm chất:**

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- PHT số 1

- Tranh ảnh

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV phát PHT số 1

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, thái độ khi tham gia trò chơi

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  *GV gọi một số em có tên chứ yếu tố Hán Việt và yêu cầu các em thử giải thích về tên gọi của mình*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  - Gv quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  *- GV dẫn dắt vào bài học mới* | *- Gợi ý:*  *.* |

**B. HOẠT ĐỘNG** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu tri thức tiếng Việt**

**a) Mục tiêu:**

**b) Nội dung:** GV trình bày vấn đề

**c) Sản phẩm:** câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ: *Dựa vào sgk, Em hãy cho biết cách xác định nhanh nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt và đưa ra một ví dụ ngoài sgk để chứng minh*  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, hỗ trợ  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **I. Tìm hiểu tri thức tiếng Việt**  Cách xác định nhanh nghĩa của những từ ngữ có yếu tố Hán Việt  - Khi gặp một từ có các yếu tố Hán Việt thông dụng, trước hết, có thể tách từ đó ra thành các yếu tố riêng biệt để xem xét  Ví dụ: **Thuyết minh** => **Thuyết** và **minh**  - Tiếp đó, tập hợp những từ đã biết có một trong các yếu tố của từ được tách và xếp chúng vào các nhóm khác nhau. Ví dụ: nhóm có yếu tố **thuyết**: thuyết phục, thuyết giảng, lí thuyết, diễn thuyết,...; nhóm có yếu tố **minh**: minh bạch, minh mẫn, tường minh, thanh minh,...  - Dựa vào nghĩa chung của một vài từ đã biết trong mỗi nhóm để suy ra nghĩa của từng yếu tố, từ đó, bước đầu xác định nghĩa của từ có yếu tố Hán Việt muốn tìm hiểu. Ví dụ: **thuyết**=> có liên quan đến hành động nói; **minh** có liên quan đến sự rõ ràng, sáng sủa; **thuyết minh**=> nói rõ ràng ra (về một vấn đề nào đó). |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:**

- HS hiểu được nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng

- HS nắm được cách xác định nhanh nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt thông dụng đó.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ:  *Hs thảo luận nhóm đôi bài tập 1 và nhóm 4-6 bài tập 2*  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, hỗ trợ  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **II. Luyện tập**  **Bài tập 1:**  - Với yếu tố tín, ta có thể nghĩ đến các từ mà yếu tố đó hiện diện như: uy tín, tín nhiệm, tín tâm, thư tín,.....  - Với yếu tố ngưỡng, ta có thể nghĩ đến các từ mà yếu tố đó hiện diện như: chiêm ngưỡng, ngưỡng mộ,....  => Dù có nhiều nghĩa khác nhau nhưng khi kết hợp lại hai yếu tố tín và ngưỡng thì ta có thể xác định rằng Tín trong tín ngưỡng là tin tưởng, ngưỡng trong tín ngưỡng là kính mến. Như vậy nghĩa chung của từ tín ngưỡng là tin theo một tôn giáo hoặc một giá trị thiêng liêng nào đó  - Theo em, khi chưa có sẵn từ điển trong tay, ta có thể suy đoán nghĩa của các yếu tố đó và nghĩa của từ chứa đựng chúng theo cách tách chúng ra thành các yếu tố riêng biệt để xem xét, rồi tập hợp những từ đã biết có một trong các yếu tố của từ được tách ở trên và xếp chúng vào các nhóm khác nhau. Sau đó, em dựa vào nghĩa chung của từ đã biết trong mỗi nhóm để suy ra nghĩa của từng yếu tố. |
| **Bài tập 2**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **Từ cần xác định nghĩa** | | **Những từ khác có yếu tố Hán Việt tương tự** | **Nghĩa của từng yếu tố** | **Nghĩa chung của từ** | | bản sắc | bản | bản chất, bản lĩnh, bản quán, nguyên bản, ... | bản: 1. Sườn núi, 2. To lớn, 3. Tấm, miếng, 4. Vốn có | bản sắc: màu sắc tự nhiên vốn có | | sắc | sắc thái, sắc độ, sắc tố, … | sắc: 1. Màu sắc, 2. Sắc lệnh... | | Ưu tư | ưu | ưu phiền, ưu ái, ưu tú,… | ưu: 1. lo lắng, 2. Hơn, xuất sắc | ưu tư: lo nghĩ | | tư | tư tưởng, tư cách, tư thục | Tư: 1. Nhớ, mong, 2. nghĩ ngợi | | Truyền thông | truyền | truyền đạt, truyền thống, tuyên truyền | Truyền: 1. truyền đạt, lưu truyền, 2. Từ chỗ này sang chỗ kia... | truyền thông: là quá trình trao đổi và tương tác các thông tin giữa hai người hoặc nhiều người với nhau để tăng sự hiểu biết, nhận thức. Hoặc có thể hiểu truyền thông chính là những sản phẩm do chính con người tạo ra là động thực thúc đẩy sự phát triển của xác hội. | | thông | thông tin, thông minh, thông thái | thông: thông tin |   **.** | |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi, trả lời và trao đổi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  *Dựa theo mô hình ở bài tập 2, em hãy giải thích thêm 5 từ Hán Việt khác*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ  - Gv quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV tổ chức hoạt động: thu sản phẩm, đọc lướt sản phẩm  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv nhận xét, bổ sung những điều học sinh chưa chắn chắn |  |

**IV. Phụ lục**